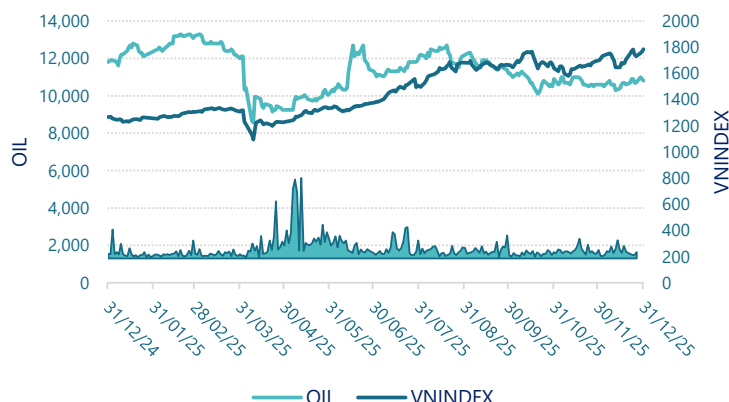


Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (UPCOM: OIL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,286
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,562
SL cổ phiếu LH	1,034,229,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	957,840
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,170
P/E	26.2
EPS	412

DT thuần

Q4/25

48,482

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15,706 | 47.9%

YoY: ▲ 19,407 | 66.7%

LN sau thuế

Q4/25

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 23.0 | -16.7%

YoY: ▲ 24.9 | 27.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.7%

DT thuần

2025

153,955

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29,495 | 23.7%

LN sau thuế

2025

487

tỷ VNĐ

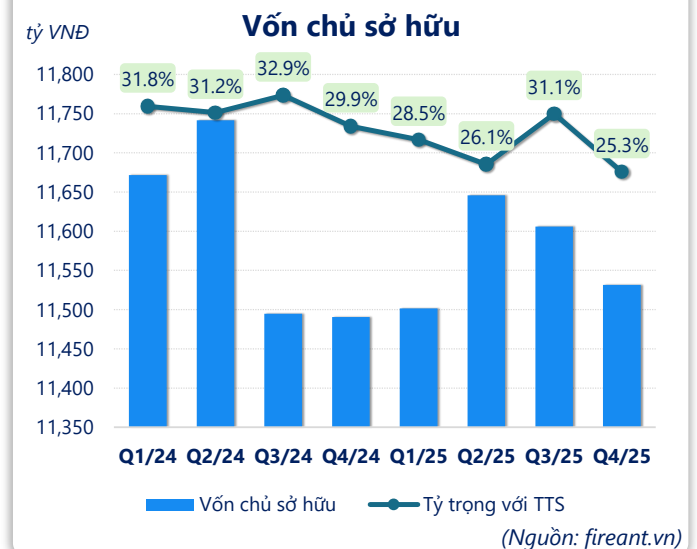
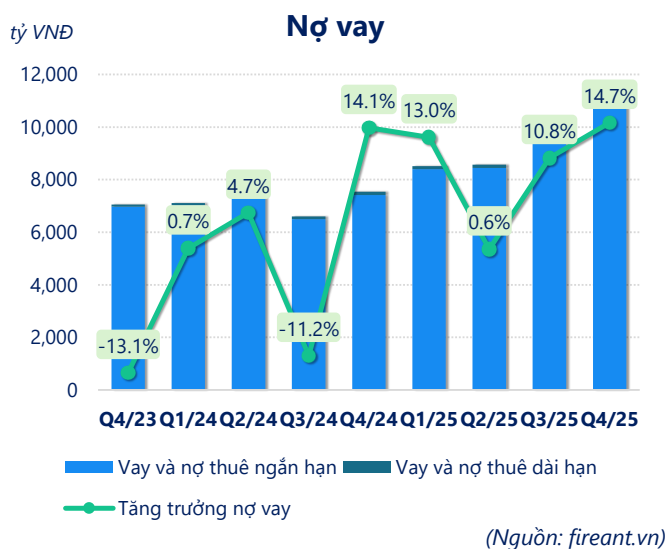
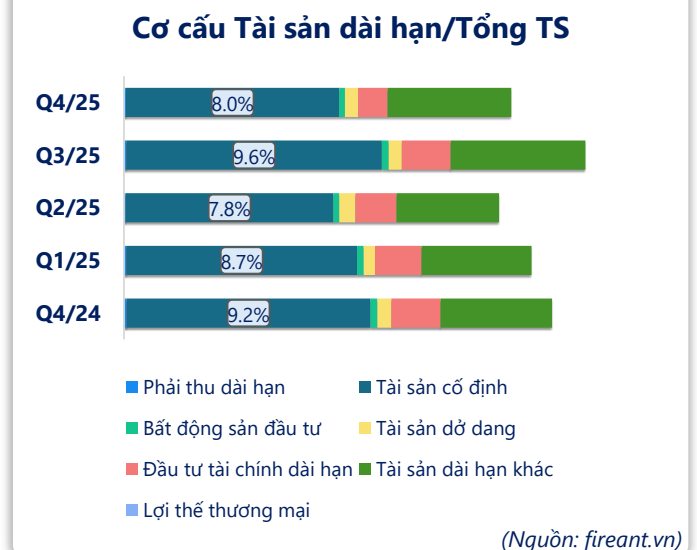
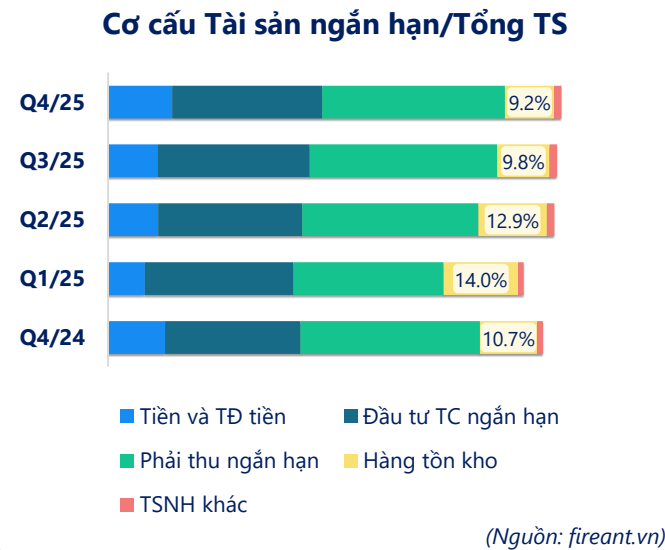
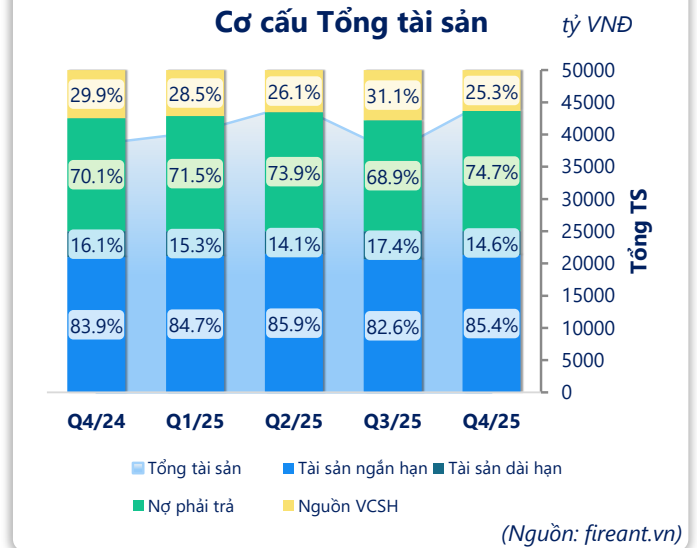
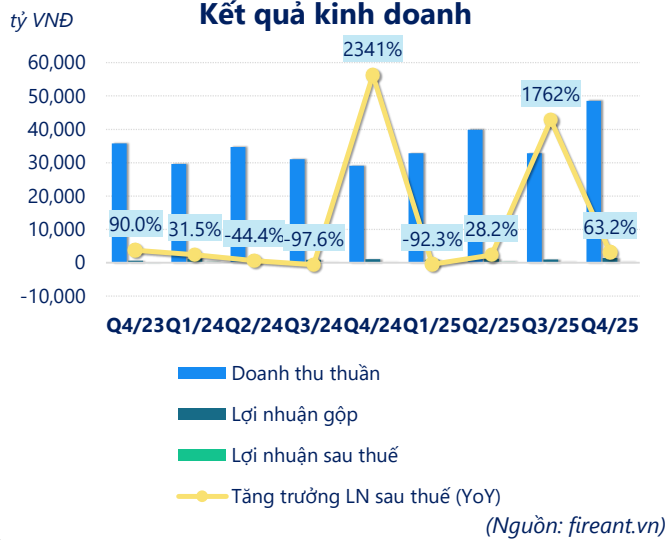
YoY: ▲ 13.0 | 2.6%

ROE

2025

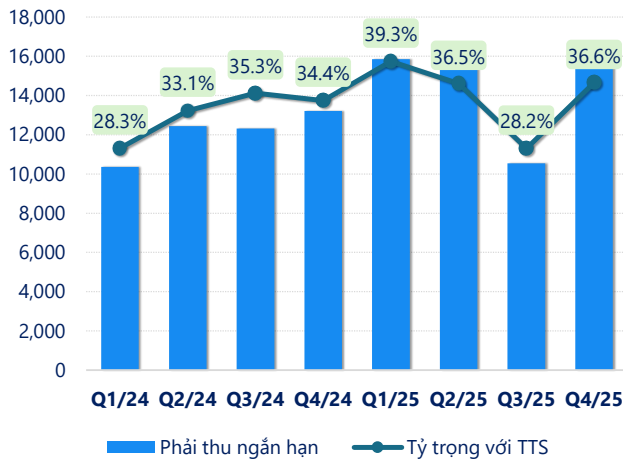
3.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%



tỷ VNĐ

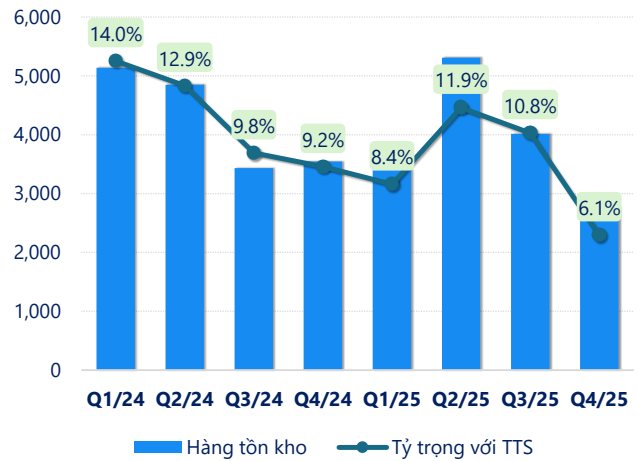
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

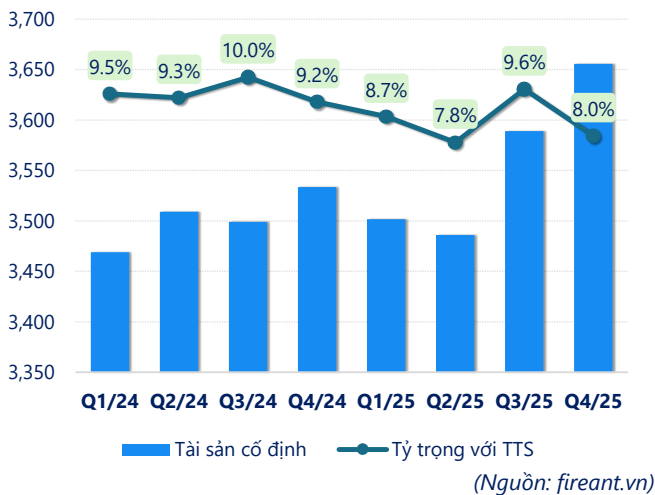
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

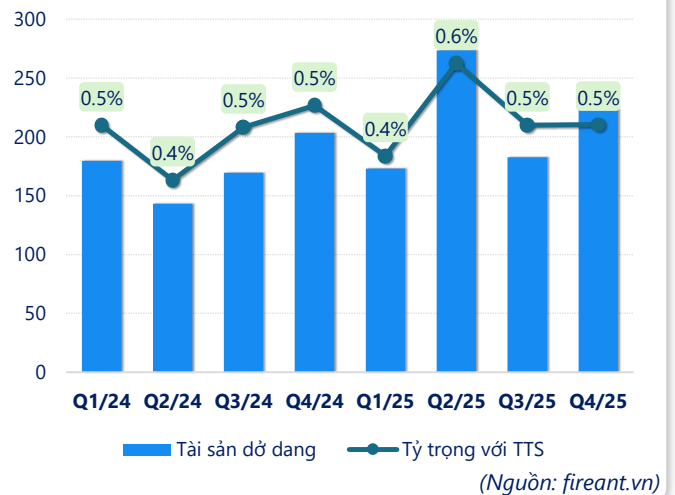
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

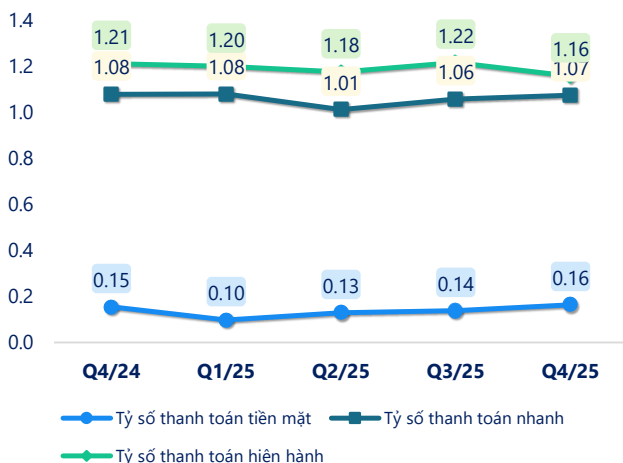
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



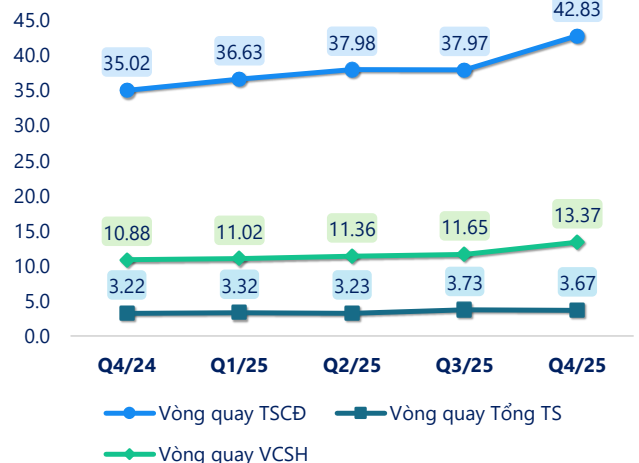
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	38,468	40,308	44,636	37,319	45,524
Tài sản ngắn hạn	32,274	34,130	38,339	30,841	38,892
Tiền và tương đương tiền	4,123	2,782	4,206	3,493	5,501
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,853	11,656	12,041	12,315	13,466
Phải thu ngắn hạn	13,218	15,858	16,294	10,542	16,670
Hàng tồn kho	3,545	3,396	5,311	4,012	2,786
Tài sản ngắn hạn khác	534	437	487	479	469
Tài sản dài hạn	6,194	6,179	6,297	6,478	6,633
Phải thu dài hạn	35.5	34.7	30.5	32.7	32.1
Tài sản cố định	3,534	3,502	3,486	3,589	3,656
Bất động sản đầu tư	98.1	97.2	96.4	95.5	94.6
Tài sản dở dang	203	173	273	183	224
Đầu tư tài chính dài hạn	710	704	687	686	508
Tài sản dài hạn khác	1,614	1,668	1,724	1,892	2,119
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	26,978	28,807	32,990	25,713	33,993
Nợ ngắn hạn	26,629	28,442	32,619	25,338	33,591
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,415	8,401	8,444	9,362	10,735
Phải trả người bán ngắn hạn	11,519	14,755	17,458	10,124	16,672
Nợ dài hạn	349	364	371	375	402
Vay và nợ thuê dài hạn	119	115	124	127	145
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,491	11,502	11,646	11,606	11,532
Vốn chủ sở hữu	11,491	11,502	11,646	11,606	11,532
Vốn điều lệ	10,342	10,342	10,342	10,342	10,342
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)